

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 112/2021/DS-ST

Ngày: 30.6.2021

Vụ án “T/C hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy L

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim L

2. Ông Phan Công N

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An T, Thư ký tòa án nhân dân quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST- DS, ngày 19 tháng 2 năm 427/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021

Nguyên đơn: Ông Trần Thái H, sinh năm 1992

ĐKTT: Ấp 1, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: Nguyễn Văn Cừ nội dài, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Văn P, sinh năm 1985

Địa chỉ: KDC 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2020 và tờ tự khai ngày 05/5/2021, nguyên đơn trình bày: Do quan hệ quen biết, nguyên đơn có cho bị đơn là ông Dương Văn P vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tài sản, được Văn phòng Công chứng 24h, công chứng vào ngày 15/11/2018, nội dung cụ thể:

Tài sản vay: 150.000.000 đồng;

Kỳ hạn vay là 20 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng;

Lãi xuất vay do các bên tự thỏa thuận, theo quy định của pháp luật;

Mục đích vay là kinh doanh; phương thức trả nợ: do các bên tự thỏa thuận;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn có trả được số tiền 22.450.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại 127.550.000 đồng nợ gốc đến nay chưa thanh

toán. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bị đơn trả tiền, nhưng bị đơn cố tình không thanh toán, nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi phát sinh kể từ 01/4/2019 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền 127.550.000 đồng là tiền nợ gốc, và lãi xuất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ 01/4/2019 cho đến khi bị đơn thanh toán hết số tiền nợ.

Bị đơn Dương Văn P: Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt. Không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Vụ án không thể tiến hành hòa giải. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng dân sự về thời hạn xét xử, thu thập chứng cứ và quy định tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ kiện không lý do nên Toàn án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nơi cư trú của bị đơn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ theo Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Dương Văn P đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nhưng vẫn liên tục vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Cũng không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến phản hồi. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 và Điều 92, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án căn cứ những chứng cứ có trong hồ sơ, quyết định xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

Theo trình bày của nguyên đơn và những chứng cứ đã được Tòa án thu thập hợp lệ tại hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng vay tài sản ngày 15/11/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng 24H, cùng ngày. Công chứng viên ghi nhận các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và tại thời điểm giao kết các bên có năng lực hành vi dân sự theo quy định, nội dung không trái quy định pháp luật, các bên có đã được đọc, nghe đọc lại nội dung hợp đồng và có ký nhận, nên hợp đồng vay này được xem là chứng cứ.

Nội dung hợp đồng xác nhận: Số tiền vay là 150.000.000 đồng; Kỳ hạn vay: 20 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng; Lãi xuất vay: Do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật; Mục đích vay: Kinh Doanh; Địa điểm, phương thức giao tài sản và địa điểm phương thức trả: do hai bên tự thỏa thuận;

Từ đó, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản và trình bày của nguyên đơn, trong quá trình vay, bị đơn đã trả được số tiền 27.550.000 đồng nợ gốc, còn lại 127.550.000 đồng nợ gốc bị đơn chưa thanh toán. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả cho 127.550.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi nợ lãi: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Hợp đồng vay tài sản có ghi nhận lãi xuất, nhưng không ghi nhận cụ thể, mà chỉ ghi theo quy định của pháp luật. Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/4/2019 cho đến nay. Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ. Cần buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/4/2019 đến ngày 30/6/2021 là 25796988 đồng, bị đơn còn phải chịu lại phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm và các chi phí khác: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 408, Điều 466, Điều 468 và Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thái H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Dương Văn P.

2. Buộc bị đơn là ông Dương Văn P phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/6/2021 là 153.346.988 (một trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi tám) đồng, trong đó:

- Nợ gốc 127.550.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Nợ lãi là 25.796.988 (hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu 7.667.349 (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được nhận lại 3.189.000 (Ba triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 003562, ngày 11/01/2021 tại Chi cục thi hành án quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thùy L